

Bản án số: 28/2025/HS-ST

Ngày: 23 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Võ Minh Châu;

+ Ông Nguyễn Văn Tiến.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Lệ Quân là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Thanh Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại Điểm cầu Trung tâm Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi và Điểm cầu thành phần Hội trường Ủy ban nhân dân phường Trà Câu xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2025/TLST- HS ngày 05 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST - HS ngày 09 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Thị K, sinh ngày 26/01/1979; tại Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Ph, phường Tr, tỉnh Quảng Ngãi. nghề nghiệp: Làm nghề tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm N (chết) và bà Trần Thị Y, sinh năm 1952; Chồng: Phạm T, sinh năm 1974; con: Có 03 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/4/2025 đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Đỗ Thị Hồng Ng, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố Nh, phường Đ tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

2/ Bà Trần Thị Lệ L, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố V, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3/ Ông Hoàng Lê M, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ dân phố 6, xã Tam D, tỉnh Ph. Vắng mặt.

4/ Bà Đặng Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: Tiểu Khu 8, xã Mai S, tỉnh

Sơn La. Vắng mặt.

5/ Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: Chung cư TECCO, phường H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

6/ Bà Trần Thị Kiều O, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 4, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để trả nợ nên đầu tháng 12/2024, bị cáo Phạm Thị K thông qua bà Đỗ Thị Hồng Ng, biết bà Trần Thị Lệ L là người cho vay tiền nhưng phải có tài sản đảm bảo để thế chấp nên Phạm Thị K đã đặt mua Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp, vay tiền của bà Trần Thị Lệ L. Phạm Thị K sử dụng điện thoại di động tìm kiếm và liên lạc với tài khoản Facebook có tên “Giấy tờ toàn quốc Ngọc Hân 2112”, có số điện thoại hiển thị là 0969 363 301 nhưng không thống nhất được giá mua – bán Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giả) nên bị cáo đã tiếp tục tìm và liên lạc với tài khoản Facebook có tên “Nhà đất Nguyễn Hoàng” có số điện thoại hiển thị là 0705 955 752. Sau khi trao đổi, bị cáo thống nhất đặt mua của đối tượng làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 2.500.000đồng, bị cáo cung cấp thông tin về thửa đất để làm giả, căn cước, địa chỉ theo yêu cầu cho đối tượng làm giả và đối tượng này cung cấp cho bị cáo số điện thoại 0366.022.905 để liên lạc.

Ngày 21/12/2024, Bưu điện Đ tiếp nhận 01 bưu phẩm từ Bưu điện Chợ Nhỏ có thông tin người gửi là Nguyễn Đức T, sinh ngày 20/12/2002, căn cước công dân số 079202508253, đăng ký thường trú tại phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (*nay là phường Tân Sơn Hòa, Thành Phố Hồ Chí Minh*); hiện cư trú tại: 33/12/7D2 phường Tăng Nhơn Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 23/12/2024, bưu phẩm trên đã được nhân viên Bưu điện Đức Phổ giao cho bị cáo Phạm Thị K và nhận tiền thu hộ, bị cáo Phạm Thị K mở bưu phẩm trong đó có 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BY203022 ghi do UBND thị xã Đức Phổ (cũ) cấp đối với thửa số 877, tờ bản đồ số 36, diện tích 600m².

Sau khi có được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, bị cáo đã mang đến nhờ Đỗ Thị Hồng Ng gửi cho bà Trần Thị Lệ L để thế chấp vay số tiền 100.000.000đồng. Đỗ Thị Hồng Ng chụp, gửi hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Lệ L, sau khi nhận được hình ảnh thì bà L biết được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Phạm Thị K là giấy giả vì giấy không có ngày tháng năm cấp, không có số vào sổ, cơ quan, người có thẩm quyền cấp không đúng, nhưng bà L vẫn trao đổi, thỏa thuận sẽ nhận thế chấp, cho vay số tiền 100.000.000đồng và hẹn Phạm Thị K đến Văn phòng công chứng Hoàng Thị H để làm thủ tục nhằm phối hợp với Văn phòng công chứng báo cơ quan Công an xử lý hành vi của Phạm Thị K. Đỗ Thị Hồng Ng cùng Phạm Thị K mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến Văn phòng công chứng

Hoàng Thị H theo yêu cầu của bà Trần Thị Lệ L thì bà Hoàng Thị H – Trưởng Văn phòng công chứng đã báo cơ quan Công an đến lập biên bản, tạm giữ vật chứng và tiến hành xác minh làm rõ hành vi của Phạm Thị K.

Tại Kết luận giám định số 06/KL-KTHS ngày 08/02/2025, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi giám định là giấy giả (giả toàn bộ), làm giả bằng phương pháp sao chụp và in phun màu, không xác định được thời gian làm giả.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

Quá trình phát hiện, lập biên bản vụ việc tạm giữ:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BY203022 ghi do UBND thị xã Đức Phổ cấp đối với thửa số 877, tờ bản đồ số 36, diện tích 600m².

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A18 của bị cáo dùng làm phương tiện liên lạc mua Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả.

Tại Cáo trạng số 18/CT-VKS – KV6 ngày 04 tháng 9 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi truy tố Phạm Thị K về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị K phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; áp dụng khoản 1 Điều 341, các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thị K mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù,

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan Công an điều tra đã thu giữ các vật chứng: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BY203022 ghi do UBND thị xã Đức Phổ cấp đối với thửa số 877, tờ bản đồ số 36, diện tích 600m². Các tài liệu này đã được chuyển vào tài liệu trong hồ sơ vụ án.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A18 là tài sản của bị cáo, bị cáo đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị K và những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền

tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra. Việc vắng mặt của những người này tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi đã truy tố. Lời khai của bị cáo Phạm Thị K tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định: Để có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay tiền trả nợ, bị cáo K đã đặt mua một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả qua mạng xã hội với giá 2.500.000đồng. Sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, bị cáo mang đi thế chấp vay tiền thì bị phát hiện bị cáo đã sử dụng giấy tờ giả của cơ quan tổ chức.

[4] Hành vi của bị cáo Phạm Thị K đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*". Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi truy tố bị cáo Phạm Thị K về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội.

Hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của bị cáo Phạm Thị K là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính về các loại giấy tờ, tài liệu được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi sử dụng các tài liệu giả, bị cáo Phạm Thị K có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo biết hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý sử dụng để thực hiện hành vi trái pháp luật nên cần buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và phải chịu một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phạm Thị K đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, cha của bị cáo là người có công cách mạng. Vì vậy, cần xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Xét thấy, bị cáo Phạm Thị K có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu; có nơi cư trú rõ ràng, có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, cũng như tạo điều kiện cho bị cáo được tự rèn luyện, tự cải tạo, Hội đồng xét xử xét thấy, không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, bị cáo vẫn có khả năng cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh

hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[6] Hiện nay, bị cáo Phạm Thị K không có nghề nghiệp ổn định. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự đối với bị cáo

[7] Việc xử lý các đối tượng và vấn đề liên quan trong vụ án:

- Đối với việc bị cáo Phạm Thị K đưa ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nhằm để bà Trần Thị Lệ L tin tưởng mà cho bị cáo vay tiền là hành vi gian dối và trái pháp luật, nhưng ngay từ khi nhận được hình ảnh về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Trần Thị Lệ L đã biết là giấy tờ giả nên đã không cho bị cáo vay tiền. Do đó, bị cáo không làm cho bị hại “tin đó là thật” mà giao tài sản, nên không cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

- Đối với bà Đỗ Thị Hồng Ng, là người đã giới thiệu bị cáo Phạm Thị K vay tiền của bà Trần Thị Lệ L. Qua điều tra, xác định bà Đỗ Thị Hồng Ng không biết việc bị cáo đã mua Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp vay tiền. Do đó, không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà Đỗ Thị Hồng Ng.

- Đối với đối tượng có tên Nguyễn Đức T, qua xác minh thì không có đối tượng nào tên Nguyễn Đức T tại các địa chỉ đã ghi trên bưu phẩm do Bưu điện Chợ Nhỏ ghi nhận nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với T

- Đối với các thuê bao di động số 0366 022 905, 0356 017 764, 0969 363 301: Qua xác minh không xác định được đối tượng trực tiếp sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Không xác định được chủ các tài khoản Facebook “Nhà đất Nguyễn Hoàng” và “Giấy tờ toàn quốc Ngọc Hân 2112”. Những người đăng ký thông tin thuê bao đối với các số điện thoại 0366 022 905 (Hoàng Lê M, sinh năm 1999, trú tại TDP 6, huyện Kim Dương, tỉnh Vĩnh Phúc *(nay là xã Tam Dương, tỉnh Phú Thọ)*), 0356 017 764 (Đăng Thị H, sinh năm 1964, trú tại Tiểu khu 8, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La *(nay là xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La)*), 0969 363 301 (Đỗ Thị H, sinh năm 1982, trú tại chung cư TECCO, phường Đông Vệ, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa *(nay là phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa)*), 0705 955 752 (Trần Thị Kiều O, sinh năm 1988, trú tại Tổ 4, phường Trần Hưng Đạo, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, *nay là phường Tổ 4, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi*) qua làm việc hiện tại không sử dụng các số điện thoại trên và đều phủ nhận liên quan đến việc làm và bán Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bị cáo Phạm Thị K cũng như liên quan đến chủ sở hữu các tài khoản Facebook làm, mua bán giấy tờ giả. Do đó sẽ tiếp tục xác minh đối tượng đã “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và xử lý sau là có căn cứ.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A18 của bị cáo dùng làm phương tiện liên lạc mua Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước

[9] Về căn cứ truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo Phạm Thị Kim phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; các điểm i s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ - HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo.

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị K phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Xử phạt bị cáo Phạm Thị K 12 (*Mười hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (*Hai mươi bốn*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/9/2025).

Giao bị cáo Phạm Thị K cho Ủy ban nhân dân phường Tr, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92, Điều 68 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01(một) điện thoại di động hiệu OPPO A18, màu đen, kiểu máy COH2591 đã qua sử dụng được bỏ trong một túi niêm phong có mã số PS3 23043401 được dán kín, tại túi niêm phong có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Văn Đây, ông Ngô Thanh H, bà Nguyễn Thị Thu H. bà Phạm Phi K.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 22/9/2025 giữa Công an tỉnh Quảng Ngãi và Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Phạm Thị K phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/9/2025); những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV 6 – Quảng Ngãi;
- CQCSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV CA tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Vân

[3] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 9 giờ 30 phút ngày 10/9/2021, tại trước cửa nhà số 952 Đường Nguyễn Lương Bằng, phường Văn Đẩu, quận K, thành phố Hải Phòng, bị cáo Nguyễn Thị T đã có hành vi làm giả 02 tờ giấy khám sức khỏe của Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng và bán cho anh Đỗ Trung H với giá 400.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội Làm giả giấy tờ của cơ quan, tổ chức. Với hành vi làm giả 02 giấy khám sức khỏe giả bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự. Như vậy, Viện Kiểm sát nhân dân quận K đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T, về tội danh theo điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của các tổ chức, cơ quan Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính được pháp luật bảo vệ và còn gây mất trật tự trị an xã hội. Do đó, cần áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, để cải tạo giáo dục bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung. Bị cáo phạm tội trong trường hợp đã có Bản án số 64/ 2021/HS-ST ngày 24/9/2021, của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xử phạt 42 tháng tù về tội Làm giả giấy tờ của cơ quan, tổ chức đã có hiệu lực pháp luật. Mặc dù bản án này không làm căn cứ để đánh giá hành vi của bị cáo là tái phạm, nhưng đánh giá bị cáo là người có nhân thân xấu, coi thường pháp luật. Do đó, cần áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của hai bản án, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.